

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Light

ECODESERT S1P MID

ECODESERT

Giày bảo h ộ **Eco Extra Wide S1P**

ECODESERT đ ợc ch ế t o v i **thân giày tái** ch **ế thoáng khí, mềm** l ạ
ó h ơn l . **Giày** c ổ l ử n g này mang đ ế ê **đáng tin** cậ y trong
rư ờn g h a **mũi thép**, bảo v ệ bàn ch ân và đế ngoài c ủa gi ầy.
ch ố n g đâm thủn g và đế ngoài c ủa gi ầy.



KHA



AH6



BLK

Những vật liệu cao cấp h ợ **canvas tái** ch ế (50% t **ái** ch ế (83% tái chế)
lót bên trong i **canvas tái** ch ế (50% tái chế)
trong Đ ệm **chân SJ** làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g **Thép**
ngoài Đ **PU / PU**
u Đứng đầ **Thép**
i Loạ **S1 P / SR, FO**
Phạm vi kích thước **EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5**
JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t **thép** **0.662 kg**
ẩn h **iêu** chu **ASTM F2413:2018**
EN ISO 20345:2022





SRC
r ớc là m ộ trong những tính n ă **giày an toàn** và
giày b ảo v ợc **SRC** qua cả bài
r ớc th ử **SRA** và **SRB**, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt **thép** và gốm.



iữa b ằng **thép**

thép
đâm thủng được làm bằng thép
không gỉ và ngăn các xâm
nhập từ đế ngoài.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ **kim** chân c ă
i ch ắc ch ắn **lăn** hoặc rơ



chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn
a điện tích tĩnh ở ch ân
ân 100 kiloOhm và 1 GigaOhm



SJ BỌ
T **lót chân** ch ống tĩnh điện **thảo** v ừa
vặn, dẫn hướng **và** hấp thụ sốc
gót chân và bàn **Thoáng khí và hút** ẩm.



SJ-3-Fit
cách điều chỉnh giày Safety
Jogger t ối ưu.

Công nghiệp n:

lĩnh vự c ô tô, Xây dự n g, Ngành công n g hiệp, hậ

ường: **Môi** t

b ề mặt **không** bằn g phẳn g, **môi** khô

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách hàn hiệ Không trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l	**canvas tái** ch ế **(50% tái** ch ế), Vế **(83% tái** ch ế) **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	7.1		ờ	mg/cm/g
	Top: h nuệ số ớ	? 15	57.5			mg/cm2
ót bên trong	**canvas tái** ch ế **(50% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** ấm ớ	? 2	10.7		ờ	mg/cm/g
	lót: h nuệ số ớ	? 20	87.8			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài	Đ **PU / PU**					
	Ch ố m ả g mài mòn ế g ngoài (	? 150	Relative volume loss:0.9g/ cm³ (Density:0.98)			mm
	Ch ơ ố c ơ bản - Ceramic + NaLS - Tr ơ ó v ề phía t	? 0.31	0.48			ma sát
	r Ch ố ả g + G ố m + NaLS - Tr ơ lù v ề phía t	? 0.36	0.49			ma sát
	r Ch SR g + Glycerin - Tr ơ ó v ề phía t	? 0.19	0.21			ma sát
	Ch ơ ố c SR g G ố m + Glycerin - T ơ ó v ề phía t	? 0.22	0.24			ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	26.5			megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A			megaohm
	Hấp thụ năng l a ó chân ủ	? 20	40			J
Đ ứ n g đầ	**Thép**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	17.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	23.0			mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, không có sự thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ g

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
CO#	**phát** thả				
	V ật l iệu		6.25		kg
	Bao bì		0.12		kg
			6.37 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		15%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.